TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2017/HNGĐ-ST
Ngày 19-9-2017.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hoàng Văn Công
Ông Nguyễn Quang Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 156/2017/TLS-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2017 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2017/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn N, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị K, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
Cùng trú tại: Thôn X, xã V, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên hoà giải, nguyên đơn anh Hoàng Văn N trình bày: Tôi và cô K kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì cô K tự ý đi Miền nam làm ăn. Năm 2015 tôi cũng đi vào Miền nam làm ăn với mục đích để vợ chồng được gần nhau, nhưng sau đó tôi phát hiện cô K có mối quan hệ với người đàn ông khác nên không muốn tiếp tục chung sống với tôi và chúng tôi sống ly thân từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tôi xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn cô K.

Về nuôi con chung: Anh Hoàng Văn N và chị Nguyễn Thị K có 02 con tên là Hoàng Thị N, sinh ngày 01/7/2001 và Hoàng Thị Kim Y, sinh ngày 13/10/2007. Ly hôn, các cháu muốn ở với ai là do các cháu quyết định, nếu ở với anh N thì anh không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hoàng Văn N và chị Nguyễn Thị K tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong bản tự khai và tại phiên hoà giải, bị đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn cũng như anh N trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì chị đi Miền nam làm ăn, đến năm 2015 thì anh N cũng vào Miền nam làm ăn cùng chị. Tuy nhiên khi vào với chị thì anh N hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và anh, chị đã sống ly thân được 05 năm không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh N xin ly hôn, chị cũng nhất trí.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Hoàng Văn N có 02 con tên là Hoàng Thị N, sinh ngày 01/7/2001 và Hoàng Thị Kim Y, sinh ngày 13/10/2007. Ly hôn, chị Ki nhận nuôi cả 02 con, việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh, chị tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Hoàng Văn N tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên là đúng thẩm quyền về lãnh thổ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Việc tuân theo pháp luật của Thư ký và Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 và Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn N và chị Nguyễn Thị K được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái đăng ký kết hôn. Tuy nhiên tại thời điểm kết hôn năm 2000 thì chị K chưa đến 18 tuổi nên đã vi phạm về độ tuổi kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị K là trái pháp luật.

[4] Khoản 4 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định Toà án nhân dân Tối cao chủ trì phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn xử lý việc kết hôn trái pháp luật.

[5] Tại thời điểm đăng ký kết hôn vào tháng 12/2000 thì chị K mới 16 tuổi nhưng đến ngày 15/8/2017 thì chị K đã đủ tuổi đăng ký kết hôn theo điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy anh N làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn chị K và chị K cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh N. Hội đồng xét xử nhận thấy là có căn cứ theo điểm c khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày

06/01/2016 của Toà án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Trường hợp hai bên cùng yêu cầu Toà án cho ly hôn hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia yêu cầu công nhân quan hệ hôn nhân thì Toà án giải quyết cho ly hôn. Trường hợp này quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con từ thời điểm kết hôn đến thời điểm ly hôn được giải quyết theo quy định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con khi ly hôn; …."

[6] Về nuôi con chung: Anh Hoàng Văn N và chị Nguyễn Thị K có 02 con tên là Hoàng Thị N, sinh ngày 01/7/2001 và Hoàng Thị Kim Y, sinh ngày 13/10/2007. Ly hôn, anh chị thỏa thuận và theo nguyện vọng của các cháu, giao cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K nhưng có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản anh thực hiện quyền này. Hội đồng xét xử nhận thấy là phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hoàng Văn N và chị Nguyễn Thị K tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí: Anh Hoàng Văn N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UB-TVQH-14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là đúng pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo theo Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, 51, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 72, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 206; Các Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị K.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thị N, sinh ngày 01/7/2001 và Hoàng Thị Kim Y, sinh ngày 13/10/2007. Anh Hoàng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K nhưng có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản anh thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2013/06395, ngày 16/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận anh N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm, anh N, chị K vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- TAND tỉnhYên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- THADS huyện Lục Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đăng Ninh